

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 28/4/2022  
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Nữ.

2. Ông Nguyễn Văn Du.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Vân - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị K, sinh năm 1987. Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã TP, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Tạm trú: Số X, đường Lê Hồng Phong, khu phố 7, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trịnh Quốc C, sinh năm 1984. Hộ khẩu thường trú: Số X khu phố 7, thị trấn N, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: Số 817/23, đường Lê Hồng Phong, khu phố 7, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị K trình bày:

Bà Trần Thị K và ông Trịnh Quốc C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận số 36/2015, ngày 10/3/2015. Quá trình sống chung, có 01 người con chung là Trịnh An N, sinh ngày 24/7/2015. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2017 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà K đã cố gắng hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm gia đình nhưng ông C không có thiện chí hòa giải. Đến năm 2020, thì ông C

bà K cùng đến tạm trú tại địa chỉ số 817/23, đường Lê Hồng Phong, khu phố 7, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để làm việc. Tuy N, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc yêu thương mà bỏ mặc cuộc sống của nhau. Tình trạng hôn nhân không hạnh phúc kéo dài làm cho cuộc sống gia đình luôn ngột ngạt. Hiện nay, nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã kéo dài nhiều năm, hai bên đều không mong muốn hàn gắn, hòa giải mâu thuẫn nên bà K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Quốc C. Về con chung cháu Trịnh An N, sinh ngày 24/7/2015 đang học tại trường Tiểu học Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Bà K yêu cầu được nuôi con chung do con chung là con gái, quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc bà K là mẹ sẽ chu đáo hơn. Hiện nay, bà Trần Thị K đang là nhân viên bán hàng của cửa hàng trang trí nội thất tại Quận 7, với mức thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng. Về cấp dưỡng nuôi con, bà K không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trịnh Quốc C: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp nhưng ông C không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không gửi ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng theo yêu cầu của bà K. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân và tạm trú của ông C tại phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thì Thẩm phán và Cảnh sát khu vực đã gặp mặt, làm việc trực tiếp nhằm vận động ông C đến Tòa án làm việc, trình bày ý kiến nhưng ông C không hợp tác, từ chối tham gia và không đồng ý nhận các văn bản tố tụng. Tòa án ban hành và tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông C cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 22/11/2021, bà K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị K khởi kiện tranh chấp yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Trịnh Quốc C. Bị đơn ông Trịnh Quốc C có đăng ký tạm trú và đang cư trú tại phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Căn cứ theo quy định pháp luật thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Trần Thị K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Trịnh Quốc C vắng mặt lần 2. Do đó, căn cứ Điều 228, Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

Bà Trần Thị K và ông Trịnh Quốc C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà K yêu cầu được ly hôn với ông C vì cho rằng trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thiếu sự tôn trọng, quan tâm. Theo biên bản xác minh ngày 22/3/2022 thì đại diện chính quyền địa phương nơi bà K và ông C tạm trú tại phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương không nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn gia đình của bà K và ông C, đồng thời cũng không ghi nhận được tình trạng mâu thuẫn cụ thể của bà K và ông C. Nhận thấy, tình cảm gia đình phải được vun đắp từ hai phía, cả hai phải quan tâm, yêu thương chăm sóc lẫn nhau để gây dựng gia đình hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy N, mục đích hôn nhân hạnh phúc của bà K và ông C đã không đạt được. Nguyên đơn bà K thừa nhận vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc và sống chung như vợ chồng từ năm 2017 đến nay. Quá trình giải quyết, ông C mặc dù đã được thông báo về việc bà K có yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con tại Tòa án nhưng ông C không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình, vắng mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của bà K hoặc có đơn trình bày lý do bất khả kháng để không đến Tòa án tham gia tố tụng. Xét thấy, bà K cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn và không có nguyện vọng muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà K là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Trần Thị K và ông Trịnh Quốc C có con chung là cháu Trịnh An N, sinh ngày 24/7/2015. Xét thấy, bà K có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Mặc dù cháu N sinh năm 2015 tuy N tính theo ngày sinh của cháu N là 24/7/2015 thì đến ngày xét xử 28/4/2022 thì cháu N chưa đủ 07 tuổi nên quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án không tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu N về nguyện vọng muốn ở với Ba hay Mẹ khi ly hôn. Hiện cháu N đang ở cùng bà K và học tại trường Tiểu học Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu N là con gái nên quá trình chăm sóc, nuôi dạy cháu cần được sự quan tâm, dạy dỗ của Mẹ. Bà K có công việc và mức thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà K đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, giao cháu N cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trịnh Quốc C có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm con con chung. Vì lợi ích hợp pháp của con chung là cháu Trịnh An N, khi bà K hoặc ông C có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 228, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K và ông Trịnh Quốc C về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị K được ly hôn đối với ông Trịnh Quốc C.

- Về con chung: Bà Trần Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trịnh An N, sinh ngày 24/7/2015.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết.

Ông Trịnh Quốc C có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0056509 ngày 23/8/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hồng Phương**